



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Ba đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011.

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Thái Văn Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Bình	Phó chủ tịch
Ông Phạm Phong	Ủy viên
Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Danh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2011)

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Thành Sơn	Trưởng ban
Ông Trần Quang Càn	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Tuấn	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Phạm Phong	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Chương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Bằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thái Hùng	Kế toán trưởng

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL - Văn phòng Hà Nội, thành viên hãng Crowe Horwath International.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê chuẩn rằng, ngoại trừ vấn đề không thống nhất trong xử lý kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá được nêu trong Báo cáo soát xét kèm theo, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Phong**  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 04 tháng 08 năm 2011

Số. /2011/DTLHN - BCKT

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT**

V/v: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 của  
Công ty Cổ phần Sông Ba

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông của Công ty Cổ phần Sông Ba**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Ba (“Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 30.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty thấy cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả và cơ sở công tác soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Không thống nhất trong xử lý kế toán**

Như trình bày tại Thuyết minh số 3.2 “Áp dụng các chuẩn mực & hướng dẫn kế toán” trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009. Nếu Công ty áp dụng theo hướng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2011 giảm đi 6.146.974.113 VND và tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” thuộc phần Vốn chủ sở hữu tăng lên tương ứng.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT (TIẾP)

### Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 15/10/2009 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá được nêu tại đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý một số vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 4.4 “Tài sản cố định hữu hình”, Nhà máy thủy điện Krông H’ năng đã hoàn thành đưa vào sử dụng và đang thực hiện quyết toán xây dựng hoàn thành. Theo đó, nguyên giá và khấu hao của các tài sản cố định này được phản ánh trong Báo cáo tài chính này theo số liệu tạm tính. Công việc soát xét của chúng tôi không bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm tra việc tuân thủ các quy chế về đầu tư xây dựng cơ bản và không nhằm đưa ra ý kiến giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng hoàn thành. Công việc này chỉ được thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 3.7 “Tài sản cố định hữu hình và hao mòn” và 4.4 “Tài sản cố định hữu hình”, được sự chấp thuận của Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 293/QĐ-STC ngày 29 tháng 06 năm 2011, trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của phần lớn tài sản cố định hữu hình chủ yếu tại Nhà máy thủy điện Krông H’ năng, và thay đổi phương pháp khấu hao từ khấu hao từ phương pháp đường thẳng sang khấu hao theo sản lượng đối với các tài sản cố định được sử dụng trực tiếp để sản xuất điện tại cả hai Nhà máy thủy điện Khe Diên và Krông H’ năng.



**Nguyễn Thành Lâm**

**Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0299/KTV

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán DTL**

**Văn phòng Hà Nội**

*Thành viên hãng Crowe Horwath International*

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2011

**Lê Văn Hoài**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ 0023/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>69.343.236.498</b>	<b>84.624.960.827</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>7.161.463.907</b>	<b>5.318.511.122</b>
1. Tiền	111		7.161.463.907	5.318.511.122
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.966.149.657</b>	<b>75.813.585.088</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		24.943.824.835	56.659.390.254
2. Trả trước cho người bán	132		8.323.785.106	10.285.398.764
3. Các khoản phải thu khác	135	4.2	12.698.539.716	8.868.796.070
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>474.622.415</b>	<b>329.403.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		474.622.415	329.403.000
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.741.000.519</b>	<b>3.163.461.617</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.3	11.132.717.308	55.309.697
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.695.682.384	1.384.993.157
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.912.600.827	1.723.158.763
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.443.269.033.885</b>	<b>1.451.772.509.892</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.437.409.365.984</b>	<b>1.446.415.493.389</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	1.426.231.635.101	1.435.371.542.689
- Nguyên giá	222		1.510.601.187.469	1.498.533.057.554
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.369.552.368)	(63.161.514.865)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.5	5.329.393.134	5.247.845.134
- Nguyên giá	228		5.408.061.800	5.305.261.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.668.666)	(57.416.666)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.6	5.848.337.749	5.796.105.566
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.859.667.901</b>	<b>5.357.016.503</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	2.706.337.901	2.203.686.503
2. Tài sản dài hạn khác	268	4.8	3.153.330.000	3.153.330.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.512.612.270.383</b>	<b>1.536.397.470.719</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>996.175.511.216</b>	<b>1.004.733.111.740</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>222.602.268.532</b>	<b>237.548.274.420</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.9	111.683.875.874	114.243.619.409
2. Phải trả người bán	312		86.171.392.368	107.305.106.664
3. Người mua trả tiền trước	313		78.000.000	50.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.10	3.731.033.921	8.064.305.302
5. Phải trả người lao động	315		305.595.611	3.639.680.831
6. Chi phí phải trả	316	4.11	7.982.448.197	2.409.913.556
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.12	10.776.047.263	1.296.734.449
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.873.875.298	538.914.209
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>773.573.242.684</b>	<b>767.184.837.320</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	4.13	773.573.242.684	767.184.837.320
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.14</b>	<b>516.436.759.167</b>	<b>531.664.358.979</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>516.436.759.167</b>	<b>531.664.358.979</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.114.278.556	2.441.885.139
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.588.920.333)	(692.020.021)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(6.146.974.113)	(7.036.147.101)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.915.049.563	906.459.437
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.356.655.354	348.065.228
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.786.670.140	35.696.116.297
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.512.612.270.383</b>	<b>1.536.397.470.719</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
1. Ngoại tệ các loại - USD		1.739,40	1.768,86



**Phạm Phong**  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 04 tháng 08 năm 2011

**Phạm Thái Hùng**  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>5.1</b>	<b>70.327.681.723</b>	<b>11.482.030.420</b>
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>5.1</b>	<b>70.327.681.723</b>	<b>11.482.030.420</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	27.466.624.089	7.079.443.128
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>42.861.057.634</b>	<b>4.402.587.292</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		337.592.471	356.619.546
7. Chi phí tài chính	22	5.3	36.849.326.331	4.503.653.050
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.000.525.389	3.776.789.221
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	1.606.884.808	315.778.516
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.742.438.966</b>	<b>(60.224.728)</b>
11. Thu nhập khác	31		95.855.851	1.025.219.489
12. Chi phí khác	32		139.598.982	777.924.959
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(43.743.131)</b>	<b>247.294.530</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.698.695.835</b>	<b>187.069.802</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.5	619.785.279	47.941.465
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.078.910.556</b>	<b>139.128.337</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	4.14.4	82	3



**Phạm Phong**  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 04 tháng 08 năm 2011

**Phạm Thái Hùng**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính VND

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	108.952.691.319	20.262.299.332
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(21.581.149.663)	(2.832.056.720)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.165.716.502)	(5.177.994.894)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(28.791.784.613)	(1.206.454.665)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.256.887.851	17.762.990.385
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(673.396.437)	(10.343.304.825)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>51.997.531.955</b>	<b>18.465.478.613</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(35.439.296.952)	(153.676.908.915)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	337.592.471	356.619.546
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(35.101.704.481)</b>	<b>(153.320.289.369)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	50.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(896.900.312)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	38.709.754.196	159.468.399.111
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(44.882.510.537)	(86.336.855.074)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.982.451.252)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(15.052.107.905)</b>	<b>123.131.544.037</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1.843.719.569</b>	<b>(11.723.266.719)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.318.511.122</b>	<b>13.570.960.803</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(766.784)	(846.467)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>7.161.463.907</b>	<b>1.846.847.617</b>



**Phạm Phong**  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 04 tháng 08 năm 2011

**Phạm Thái Hùng**  
Kế toán trưởng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Ba (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400439955 ngày 04/07/2007 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập, Công ty đã điều chỉnh 05 lần Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 1	Ngày 05/11/2007
Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 2	Ngày 06/03/2008
Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 3	Ngày 29/08/2008
Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 4	Ngày 21/07/2009
Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 5	Ngày 01/10/2010

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất là 500.000.000.000 VND, chia thành 50.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 230 Nguyễn Tri Phương, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc là:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba – Nhà máy Thủy điện Khe Diên: Xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba – Nhà máy Thủy điện Krông H’nh: Xã Ealy, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV;
- Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV;
- Khai thác khoáng sản và nạo vét lòng hồ;
- Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);
- Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện;
- Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng. Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện; và
- Kinh doanh vật liệu xây dựng bán tại chân công trình. Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ điện.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

#### **2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán tại Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp các Báo cáo tài chính của:

- Văn phòng công ty;
- Nhà máy Thủy điện (NMTĐ) Khe Diên; và
- Nhà máy Thủy điện (NMTĐ) Krông H' năng.

#### **2.2 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ năm tài chính 2011 này bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **3.1 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

#### **3.2 Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán**

Trong kỳ, Công ty đã tuân thủ lập Báo cáo tài chính theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 sửa đổi bổ sung Quyết định 15 của Bộ tài chính.

Ngày 15/10/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC, việc chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

#### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

##### **3.2 Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán (Tiếp)**

Việc áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2011 tăng lên VND 6.146.974.113 và tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” thuộc phần Vốn chủ sở hữu sẽ giảm đi tương ứng so với việc áp dụng VAS 10. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng này cùng với việc thuyết minh các khoản chênh lệch này, nếu Công ty áp dụng VAS 10, sẽ cung cấp thêm thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Nếu Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và điều chỉnh phi hồi tố cho chênh lệch tỷ giá lũy kế đến ngày 31/12/2010, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2011 giảm đi VND 6.146.974.113 và tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” thuộc phần Vốn chủ sở hữu sẽ tăng lên tương ứng.

##### **3.3 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **3.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **3.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc giai đoạn kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### **3.6 Chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước phản ánh chi phí kinh doanh đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ phát sinh. Việc phân bổ chi phí trả trước phù hợp với quy định của chế độ kế toán và tình hình hoạt động của công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thay thế Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 do Bộ Tài Chính ban hành. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	<b>6 tháng đầu năm 2011 (năm)</b>	<b>Năm 2010 (năm)</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	15 - 50	15 - 50
Máy móc, thiết bị	6 - 15	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 30	5 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5	3 - 5

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện điều chỉnh kéo dài thời gian sử dụng hữu ích của phần lớn các tài sản cố định hữu hình chủ yếu của **Nhà máy thủy điện Krông H'nh** được phê duyệt bởi Sở Tài chính Thành Phố Đà Nẵng theo quyết định số 293/QĐ – STC ngày 29/06/2011. Theo đó, thời gian sử dụng của nhóm Nhà cửa, vật kiến trúc tăng từ 30 năm lên 50 năm; nhóm máy móc thiết bị tăng từ 10 năm lên 15 năm. Ảnh hưởng của thay đổi này được trình bày trên thuyết minh 4.4 “Tài sản cố định hữu hình”

Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện thay đổi phương pháp khấu hao từ khấu hao theo phương pháp đường thẳng sang khấu hao theo sản lượng đối với một số tài sản được sử dụng trực tiếp để sản xuất điện tại **Nhà máy thủy điện Khe Diên và NMTĐ Krông H'nh**. Ảnh hưởng của thay đổi này được trình bày trên thuyết minh 4.4 “Tài sản cố định hữu hình”.

Nguyên nhân của việc thay đổi thời gian sử dụng và thay đổi phương pháp khấu hao để đảm bảo việc khấu hao phù hợp với tình hình sử dụng tài sản thực tế cũng như phù hợp tính chất mùa vụ của việc vận hành các nhà máy Thủy điện của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số **573 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng**. Quyền sử dụng đất này có thời hạn không xác định do đó không tính khấu hao.

***Các tài sản cố định vô hình khác***

Các tài sản cố định vô hình khác là các phần mềm được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với thông tư số 203/2009/TT – BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ tài chính.

**Thời gian khấu hao  
(năm)**

Các phần mềm

5

**3.9 Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.10 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể như sau:

- Trích chi trả cổ tức thực hiện chi trả theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vào vốn chủ sở hữu: khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty;
- Trích các quỹ khác được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hàng năm và theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ gồm các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kỳ kế toán năm được ghi nhận trên tài khoản “chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ với số tiền là 8.957.212.700 VND. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá không được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh sẽ được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo

**3.12 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**3.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 Thuế**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty được hưởng các ưu đãi thuế như sau:

- Đối với Nhà máy Thủy điện Khe Diên: Được miễn thuế TNDN trong 3 năm và giảm 50% số thuế TNDN trong 5 năm tiếp theo cho đầu tư mở rộng mang lại. Ngoài ra, Công ty được tỉnh Quảng Nam hỗ trợ miễn thuế TNDN thêm 5 năm kể từ khi hết thời hạn miễn, giảm thuế theo quy định của Chính phủ. Năm 2007 là năm đầu tiên Nhà máy Thủy điện Khe Diên hoạt động có lãi, cũng là năm đầu tiên Công ty được miễn thuế TNDN.

Những ưu đãi trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 24/CN – UB ngày 29/6/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đối với Nhà máy Thủy điện Krông H’nhăng: được miễn thuế TNDN trong 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu tiên Nhà máy Thủy điện Krông H’nhăng hoạt động có lãi.

Những ưu đãi trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 1034/CN – UBND ngày 21/6/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Đối với hoạt động bán điện thương phẩm	10%
Đối với các dịch vụ khác	10%

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Tiền mặt	849.386.179	75.387.064
Tiền gửi ngân hàng	6.312.077.728	5.243.124.058
<b>Cộng</b>	<b>7.161.463.907</b>	<b>5.318.511.122</b>

**4.2 Các khoản phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Tiền đền bù cho CTTĐ Krông H'nh	11.902.671.042	7.752.671.042
Các khoản phải thu khác	795.868.674	1.116.125.028
<b>Cộng</b>	<b>12.698.539.716</b>	<b>8.868.796.070</b>

**4.3 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Chi phí lãi vay phân bổ theo sản lượng điện (*)	9.202.761.865	-
Chi phí lương phân bổ theo sản lượng điện (*)	1.610.826.928	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	319.128.515	55.309.697
<b>Cộng</b>	<b>11.132.717.308</b>	<b>55.309.697</b>

(\*) Đây là chi phí lãi vay và lương được phân bổ theo sản lượng phát điện thực tế và kế hoạch năm 2011 của Nhà máy Thủy điện Khe Diên và Krông H'nh theo kế hoạch được duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông năm 2011 để phù hợp với tình hình sản xuất điện theo mùa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA**

230 Nguyễn Tri Phương, Quận Thanh Khê  
Thành Phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.4 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	1.086.711.459.574	407.994.195.418	3.122.703.555	704.699.007	1.498.533.057.554
Mua sắm mới	-	-	-	64.809.091	64.809.091
XDCB hoàn thành (*)	9.375.531.758	2.627.789.066	-	-	12.003.320.824
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>1.096.086.991.332</b>	<b>410.621.984.484</b>	<b>3.122.703.555</b>	<b>769.508.098</b>	<b>1.510.601.187.469</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	32.268.427.165	28.793.690.565	1.608.306.166	491.090.969	63.161.514.865
Trích khấu hao	10.248.153.724	10.694.812.529	206.106.568	58.964.682	21.208.037.503
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>42.516.580.889</b>	<b>39.488.503.094</b>	<b>1.814.412.734</b>	<b>550.055.651</b>	<b>84.369.552.368</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2011	<b>1.054.443.032.409</b>	<b>379.200.504.853</b>	<b>1.514.397.389</b>	<b>213.608.038</b>	<b>1.435.371.542.689</b>
Tại ngày 30/06/2011	<b>1.053.570.410.443</b>	<b>371.133.481.390</b>	<b>1.308.290.821</b>	<b>219.452.447</b>	<b>1.426.231.635.101</b>

(\*) Trong kỳ, theo quyết định số 50/11/QĐ – S3- TC ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty tạm tăng giá trị tài sản lần 2 của Nhà máy Thủy điện Krông H' năng thêm 12.003.320.824 VND. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, tổng nguyên giá tài sản cố định tạm tăng tại Krông H' năng là 1.316.013.613.887 VND và tổng số khấu hao trong kỳ là 16.069.845.953 VND (Tổng số khấu hao lũy kế đến ngày 30/06/2011 là 47.996.654.002 VND).

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay dài hạn như trình bày tại thuyết minh 4.13 “Vay và nợ dài hạn” tại ngày 30/06/2011 khoảng 1.424 tỷ VND. Các tài sản mang đi thế chấp chủ yếu là Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại hai Nhà máy Thủy điện Khe Diên và Krông H' năng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 279.374.416 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.4 Tài sản cố định hữu hình (Tiếp)**

Ảnh hưởng đến chi phí khấu hao trong kỳ do thay đổi thời gian sử dụng một số tài sản tại NMTĐ K'ông H'ặng như trình bày trên thuyết minh 3.7 "Tài sản cố định hữu hình và hao mòn" dưới đây. Ảnh hưởng đến chi phí khấu hao cho các kỳ trong tương lai của việc thay đổi này được xác định tương ứng theo thời gian:

*Đơn vị tính: VND*

STT	Tài sản	Khấu hao (Theo TT 203/2009/TT-BTC)	Khấu hao (Theo Quyết định số 293/QĐ-STC)	Chênh lệch
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	15.377.880.402	10.136.623.465	(5.241.256.937)
2	Máy móc, thiết bị	16.770.195.795	12.655.681.396	(4.114.514.399)
	<b>Cộng</b>	<b>32.148.076.197</b>	<b>22.792.304.861</b>	<b>(9.355.771.336)</b>

Ảnh hưởng đến chi phí khấu hao trong kỳ do thay đổi phương pháp tính khấu hao từ phương pháp đường thẳng sang sản lượng tại Nhà máy thủy điện Khe Diên và Krông H'ặng như trình bày trên thuyết minh 3.7 "Tài sản cố định hữu hình và hao mòn" như trình bày dưới đây. Ảnh hưởng đến chi phí khấu hao cho các kỳ trong tương lai của việc thay đổi này được xác định tương ứng theo thời gian và cũng bị ảnh hưởng bởi sản lượng điện sản xuất thực tế trong các kỳ tiếp theo :

*Đơn vị tính: VND*

STT	Tài sản	Khấu hao (Theo Quyết định số 293/QĐ-STC)	Khấu hao một số TSCĐ theo khấu hao theo phương pháp sản lượng	Chênh lệch
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	12.688.905.995	10.248.153.724	(2.440.752.271)
2	Máy móc, thiết bị	14.469.271.055	10.666.217.289	(3.803.053.766)
	<b>Cộng</b>	<b>27.158.177.050</b>	<b>20.914.371.013</b>	<b>(6.243.806.037)</b>

Việc thay đổi thời gian và phương pháp khấu hao trên làm giảm chi phí khấu hao giảm đi lần lượt khoảng 9,3 tỷ VND và 6,2 tỷ VND làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế tăng lên tương ứng với khoảng 15,5 tỷ VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.5 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền	Các phần mềm	Cộng
	sử dụng đất (*)		
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	5.175.261.800	130.000.000	5.305.261.800
Mua sắm mới	-	102.800.000	102.800.000
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>5.175.261.800</b>	<b>232.800.000</b>	<b>5.408.061.800</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	-	57.416.666	57.416.666
Trích khấu hao	-	21.252.000	21.252.000
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>-</b>	<b>78.668.666</b>	<b>78.668.666</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2011	5.175.261.800	72.583.334	5.247.845.134
Tại ngày 30/06/2011	5.175.261.800	154.131.334	5.329.393.134

(\*) Quyền sử dụng đất này là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 573 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn như trình bày tại thuyết minh số 4.9 – “Vay và nợ ngắn hạn”.

**4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	41.400.364	-
Chi phí xây dựng NMTĐ Krông H'nh 2 (i)	1.291.509.910	1.291.509.910
Chi phí xây dựng NMTĐ Sông Tranh 1 (ii)	4.399.763.851	4.388.932.032
Chi phí XD tại NMTĐ Khe Diên	76.663.624	76.663.624
Văn phòng công ty - Nhà điều hành	39.000.000	39.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.848.337.749</b>	<b>5.796.105.566</b>

(i) Dự án thủy điện Krông H'nh 2 có tổng mức đầu tư là 407.915.000.000 VND (trong đó vốn tự có: 30% và vốn vay: 70%). Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (ngày 02/10/2009), đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Công thương phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

(ii) Dự án Thủy điện Sông Tranh 1 có tổng mức đầu tư là 552.646.106.000 VND. Dự án hiện đang xúc tiến các thủ tục lập dự án đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.7 Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	377.243.517	473.315.300
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.329.094.384	1.730.371.203
<b>Cộng</b>	<b>2.706.337.901</b>	<b>2.203.686.503</b>

**4.8 Tài sản dài hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
Ký quỹ đầu tư CT điện Krông H'nhăng 2	2.000.000.000	2.000.000.000
Ký quỹ đầu tư CT điện Sông Tranh 1	960.000.000	960.000.000
Ký quỹ cải tạo môi trường CTTĐ Krông H'nhăng 2	189.330.000	189.330.000
Các khoản ký quỹ khác	4.000.000	4.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.153.330.000</b>	<b>3.153.330.000</b>

**4.9 Vay và nợ ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2011 VND	Tại ngày 01/01/2011 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>22.000.000.000</b>	-
Chi nhánh Đà Nẵng - Cty TCCP Điện lực (*)	22.000.000.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>89.683.875.874</b>	<b>114.243.619.409</b>
- Ngân hàng Ngoại Thương CN Đà Nẵng	11.600.000.000	11.600.000.000
- Ngân hàng PT Việt Nam CN Phú Yên (VND)	60.781.369.446	88.440.000.000
- Ngân hàng PT Việt Nam CN Phú Yên (USD)	17.302.506.428	14.203.619.409
<b>Cộng</b>	<b>111.683.875.874</b>	<b>114.243.619.409</b>

(\*) Đây là khoản vay để thanh toán cho nhà thầu thi công xây dựng Công trình Thủy điện Krông H'nhăng. Khoản vay có thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H13116 do UBND Quận Hải Châu cấp ngày 22/01/2008 trị giá 6.821.000.000 VND và 100% giá trị nguồn thu của Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thủy điện Krông H'nhăng ký giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần Sông Ba. Các khoản gốc tiền vay được trả khi đến hạn theo thỏa thuận trên hợp đồng. Khoản vay chịu lãi suất 22%/ năm trong 3 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/ lần theo thỏa thuận trong hợp đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.602.517.250	5.862.939.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp	836.023.659	216.238.380
Thuế thu nhập cá nhân	-	13.316.664
Thuế tài nguyên	292.493.012	1.971.811.105
<b>Cộng</b>	<b>3.731.033.921</b>	<b>8.064.305.302</b>

**4.11 Chi phí phải trả**

	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay NMTĐ Khe Diên (NH Ngoại Thương Đà Nẵng)	2.788.769.555	2.409.913.556
Chi phí lãi vay NMTĐ Krông H'năng (NH Phát triển Phú Yên)	5.193.678.642	-
<b>Cộng</b>	<b>7.982.448.197</b>	<b>2.409.913.556</b>

**4.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
	VND	VND
BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp	83.022.274	155.459
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.693.024.989	1.296.578.990
- Tiền phạt hợp đồng- Cty CP TM DV Quang Minh	1.100.000.000	1.100.000.000
- Cổ tức phải trả	9.483.157.864	35.584.616
- Các khoản phải trả khác	109.867.125	160.994.374
<b>Cộng</b>	<b>10.776.047.263</b>	<b>1.296.734.449</b>

**4.13 Vay và nợ dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>		
- Ngân hàng PT Việt Nam CN Phú Yên- VND (i)	623.915.000.000	612.860.000.000
- Ngân hàng PT Việt Nam CN Phú Yên- USD (i)	101.738.242.684	100.604.837.320
- Ngân hàng Ngoại Thương-CN Đà Nẵng (ii)	47.920.000.000	53.720.000.000
<b>Cộng</b>	<b>773.573.242.684</b>	<b>767.184.837.320</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.13 Vay và nợ dài hạn (Tiếp)**

(i) Vay ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên theo 2 hợp đồng vay:

- Tại ngày 19/07/2006, Công ty ký hợp đồng vay dài với hạn mức tối đa 109.800.000.000 VND, thời hạn vay 144 tháng, thời gian ân hạn 31 tháng. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng trong vòng 113 tháng bắt đầu từ tháng 7 năm 2009. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 7,8%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm.
- Tại ngày 11/01/2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn bằng tiền VND và USD. Thời hạn vay 128 tháng từ tháng 4/2008, ân hạn 21 tháng. Khoản vay này sẽ được trả thành nhiều lần trong vòng 107 tháng kể từ tháng 01 năm 2010.
- Với khoản vay bằng VND: Hạn mức tín dụng là 683.000.000 VND và chịu lãi suất trong hạn là 8,4%/năm, 12,6%/năm đối với lãi suất quá hạn.
- Đối với khoản vay bằng USD: Hạn mức tín dụng là 6.832.298 USD. Lãi suất trong hạn là 6,9%/năm, 10,35%/năm đối với lãi suất quá hạn.

Mục đích của khoản vay 2 hợp đồng này dùng để đầu tư xây dựng dự án thủy điện Krông H'nh. Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Đây là khoản vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng với hạn mức 130.000.000.000 VND (bao gồm VND và USD quy đổi tương đương), thời hạn vay 132 tháng. Khoản vay này sẽ được trả từ ngày Nhà máy Thủy điện Khe Diên bắt đầu hoạt động đến tháng thứ 132 tính từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Khoản vay bằng VND chịu lãi suất trong hạn bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng theo thông báo của Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng + 3,0%/năm;
- Khoản vay bằng USD chịu lãi suất bằng SIBOR (6 tháng) + 2,5%/năm.

Mục đích của khoản vay để đầu tư xây dựng dự án thủy điện Khe Diên. Khoản vay được bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ 3- Công ty điện lực 3 và Công ty Xây lắp điện 3 và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

- Tại ngày 14/05/2008, Công ty ký hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – chi nhánh Quảng Nam cho khoản vay tín dụng 130 tỷ VND với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng. Theo đó, Ngân hàng sẽ cấp cho Công ty số tiền hỗ trợ sau đầu tư dự kiến tối đa là 20.523.965.000 VND và 28.351 USD trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2016. Số tiền hỗ trợ hàng năm được cấp dựa theo số tiền thực tế Công ty trả nợ cho tổ chức tín dụng đủ điều kiện được hỗ trợ và trong phạm vi kế hoạch hỗ trợ sau đầu tư của năm được Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam thông báo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA**

230 Nguyễn Tri Phương, Quận Thanh Khê,  
Thành Phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.14 Vốn chủ sở hữu****4.14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND							
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>2.255.753.736</b>			(7.196.925.269)	<b>161.933.825</b>	<b>161.933.825</b>	<b>3.917.828.060</b>	<b>449.300.524.177</b>
Tăng vốn trong năm	50.000.000.000	-	(692.020.021)	-	-	-	-	-	49.307.979.979
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	33.951.670.864	33.951.670.864
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân chia các quỹ	-	186.131.403	-	-	-	744.525.612	186.131.403	(1.675.182.627)	(558.394.209)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	(498.200.000)	(498.200.000)
Tăng khác	-	-	-	-	160.778.168	-	-	-	160.778.168
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>2.441.885.139</b>	<b>(692.020.021)</b>	<b>(7.036.147.101)</b>	<b>348.065.228</b>	<b>348.065.228</b>	<b>35.696.116.297</b>	<b>531.664.358.979</b>	
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>2.441.885.139</b>	<b>(692.020.021)</b>	<b>(7.036.147.101)</b>	<b>348.065.228</b>	<b>348.065.228</b>	<b>35.696.116.297</b>	<b>531.664.358.979</b>	
Tăng vốn trong năm	-	-	(896.900.312)	-	-	-	-	-	(896.900.312)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	4.078.910.556	4.078.910.556
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	-	(17.430.024.500)	(17.430.024.500)
Phân chia các quỹ (*)	-	672.393.417	-	-	-	1.008.590.126	1.008.590.126	(4.370.557.213)	(1.680.983.544)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	(187.775.000)	(187.775.000)
Tăng khác	-	-	-	889.172.988	-	-	-	-	889.172.988
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>3.114.278.556</b>	<b>(1.588.920.333)</b>	<b>(6.146.974.113)</b>	<b>1.356.655.354</b>	<b>1.356.655.354</b>	<b>17.786.670.140</b>	<b>516.436.759.167</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

**4.14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp)**

(\*) Việc chi trả cổ tức và trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được thực hiện theo Nghị quyết số 05/2011/NQ – ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2011 được thông qua Đại hội đồng Cổ đông năm 2011. Trong đó, 51,8% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được sử dụng để chia cổ tức năm 2010 bằng tiền (350 VND/Cổ phiếu).

**4.14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Số vốn đã góp			
	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Tại ngày 30/06/2011		Tại ngày 01/01/2011	
			Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Điện lực miền Trung (*)	149.000.000.000	29,8%	149.000.000.000	29,8%	149.000.000.000	29,8%
Các cổ đông khác	351.000.000.000	70,2%	351.000.000.000	70,2%	351.000.000.000	70,2%
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>100%</b>

(\*) Trong đó 5.000.000 cổ phiếu cho Tổng Công ty Cổ phần Điện lực Miền Trung đang làm thủ tục để niêm yết bổ sung trên sàn SGD chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông năm 2011.

**4.14.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2011 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	199.930	87.100
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	199.930	87.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.800.070	49.912.900
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.800.070	49.912.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND/cổ phiếu		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

**4.14.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>6 tháng đầu năm 2011 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010 VND</b>
Lợi nhuận thuần của các cổ đông phổ thông	4.078.910.556	139.128.337
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	49.825.008	49.912.900
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>82</b>	<b>3</b>

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>6 tháng đầu năm 2011 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010 VND</b>
<b>Tổng doanh thu</b>		
Doanh thu bán điện (*)	70.140.610.050	11.482.030.420
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	187.071.673	
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>70.327.681.723</b>	<b>11.482.030.420</b>

(\*) Trong đó doanh thu bán điện tại Nhà máy Thủy điện Khe Diên là: 15.922.540.650 VND và tại Nhà máy Thủy điện Krông H'nh là: 54.218.069.400 VND.

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>6 tháng đầu năm 2011 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010 VND</b>
Giá vốn bán điện (*)	27.458.050.363	7.079.443.128
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	8.573.726	-
<b>Cộng</b>	<b>27.466.624.089</b>	<b>7.079.443.128</b>

(\*) Trong đó giá vốn bán điện tại Nhà máy Thủy điện Khe Diên là: 7.170.035.467 VND và tại Nhà máy Thủy điện Krông H'nh là 20.288.014.896 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.3 Chi phí tài chính**

	<b>6 tháng đầu năm 2011 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010 VND</b>
Chi phí lãi vay	24.000.525.389	3.776.789.221
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.529.338.474	726.863.829
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.319.462.468	-
<b>Cộng</b>	<b>36.849.326.331</b>	<b>4.503.653.050</b>

**5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>6 tháng đầu năm 2011 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	227.148.805	182.613.520
Chi phí vật liệu quản lý	35.205.523	5.612.933
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.072.944	2.783.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	296.325.010	25.139.344
Thuế và các khoản lệ phí	5.543.236	964.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	583.934.461	61.633.382
Chi phí khác bằng tiền	424.654.829	37.031.393
<b>Cộng</b>	<b>1.606.884.808</b>	<b>315.778.516</b>

**5.5 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.5 Chi phí thuế TNDN hiện hành (Tiếp)**

	<b>6 tháng đầu năm 2011 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010 VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.698.695.835</b>	<b>187.069.802</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Lợi nhuận từ hoạt động của NMTĐ Khe Diên	4.001.986.092	314.498.720
+ <i>Lợi nhuận kinh doanh chính</i>	<i>4.001.986.092</i>	<i>314.274.555</i>
+ <i>Lợi nhuận khác</i>	<i>-</i>	<i>224.165</i>
- Lợi nhuận từ hoạt động của NMTĐ K'rong H' năng	238.561.675	-
- Lợi nhuận từ Hoạt động của Văn phòng công ty	458.148.068	(127.428.918)
<b>Đ/C các khoản tăng (giảm) lợi nhuận</b>	<b>20.000.000</b>	<b>161.833.333</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lý, hợp lệ)		
+ <i>Văn phòng công ty</i>	<i>20.000.000</i>	<i>161.833.333</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>4.718.695.835</b>	<b>348.903.135</b>
- Thu nhập từ hoạt động của NMTĐ Khe Diên	4.001.986.092	314.498.720
- Lợi nhuận từ hoạt động của NMTĐ K'rong H' năng	238.561.675	-
- Thu nhập từ hoạt động của Văn phòng công ty	478.148.068	34.404.415
<b>Thuế suất (%)</b>	<b>25%</b>	<b>25%</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định</b>	<b>1.120.033.540</b>	<b>87.225.784</b>
- Hoạt động của NMTĐ Khe Diên	1.000.496.523	78.624.680
- Hoạt động của NMTĐ K'rong H' năng	-	-
- Hoạt động của Văn phòng công ty	119.537.017	8.601.104
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm</b>	<b>(500.248.261)</b>	<b>(39.284.319)</b>
- Hoạt động của nhà máy thủy điện Khe Diên (50%)	(500.248.261)	(39.284.319)
- Hoạt động của NMTĐ K'rong H' năng (100%)	-	-
- Hoạt động của Văn phòng công ty	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>619.785.279</b>	<b>47.941.465</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Hoạt động của Nhà máy Thủy điện Khe Diên	500.248.262	39.340.361
- Hoạt động của Văn phòng công ty	119.537.017	8.601.104

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6 THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty điện lực Miền Trung, các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Trong năm, Công ty đã có các số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

***Số dư khoản phải thu***

	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
	VND	VND
Tiền bán điện cho Tổng Công ty Điện lực miền Trung	4.996.637.690	3.696.342.100
<b>Cộng</b>	<b>4.996.637.690</b>	<b>3.696.342.100</b>

***Số dư khoản phải trả***

	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
	VND	VND
Phải trả tiền cổ tức Tổng Công ty Điện lực miền Trung	5.215.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.215.000.000</b>	<b>-</b>

***Doanh thu bán điện***

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	15.922.540.650	11.472.778.000
<b>Cộng</b>	<b>15.922.540.650</b>	<b>11.472.778.000</b>

***Nghiệp vụ chia cổ tức***

Trong kỳ, Công ty thực hiện chia cổ tức theo Nghị quyết số 05/2011/NQ – ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2011 được thông qua Đại hội đồng Cổ đông năm 2011. Theo đó, Tổng Công ty Điện lực Miền Trung được chia cổ tức là 5.125.000.000 VND tương ứng với số cổ phần hiện đang có tại Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)**

*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát*

	<b>6 tháng đầu năm 2011 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010 VND</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc	404.944.650	262.752.960
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	192.000.000	127.666.666
	<b>596.944.650</b>	<b>390.419.626</b>

**6.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

**6.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 đã được soát xét và Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.



\_\_\_\_\_  
**Phạm Phong**  
**Tổng Giám đốc**  
Đà Nẵng, ngày 04 tháng 08 năm 2011

\_\_\_\_\_  
**Phạm Thái Hùng**  
**Kế toán trưởng**